TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/DS-PT
Ngày: 23 – 3 - 2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân**.

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Văn Giang** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 210/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 644/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2021/QĐ-PT ngày 23/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà **Đào Thị C**, sinh năm 1956; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 2A, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền chứng thực số 26 ngày 04/3/2021)

- *Bị đơn*:

1. Bà **Lê Thị F**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

2. Ông **Đặng Văn E**, sinh năm 1963; (đã chết)

Cùng địa chỉ: ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trần Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:*

Ông có tham gia 02 dây hụi do bà F, ông E làm chủ hụi:

- Dây 1: Hụi khui ngày 05/4/2015, mãn ngày 05/01/2017, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 22 phần. Ông đóng được 20 kỳ, hốt được 20.000.000 đồng, bà F có giao cho anh nhiều lần với tổng số tiền 16.600.000 đồng, còn nợ lại 3.400.000đồng.

- Dây 2: Hụi khui ngày 20/01/2013, mãn ngày 20/10/2019, hụi 3.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, gồm 27 phần. Ông đóng được 13 kỳ với số tiền 23.400.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng bà F, ông E nợ ông 26.800.000đồng.

Ông đã nhiều lần yêu cầu bà F trả tiền cho ông nhưng bà F không trả. Nay ông yêu cầu bà F, ông E liên đới trả 26.800.000đồng.

* Bị đơn bà F, ông E đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà và không có ý kiến và yêu cầu gì.

- Bản án sơ thẩm số: 210/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B, về việc yêu cầu bà Lê Thị F, ông Đặng Văn E liên đới trả 26.800.000 đồng tiền hụi.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 25/8/2020, ông Trần Văn B là nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 210/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

* Cùng ngày 25/8/2020, ông B cũng có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là trước đây ông có khởi kiện yêu cầu ông E và bà F liên đới trả tiền nợ hụi 26.800.000 đồng, nhưng nay ông xin thay đổi chỉ yêu cầu bà F trả số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đào Thị C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà F trả số tiền nợ hụi 26.800.000 đồng cho ông B.

* Bị đơn bà F đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà và không có ý kiến và yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Tòa sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B nên ông B kháng cáo. Thời hạn kháng cáo còn trong hạn luật định. Sau khi kháng cáo chờ xét xử phúc thẩm thì ông Thanh chết nên phát sinh quyền, nghĩa vụ kế thừa tham gia tố tụng nhưng tòa phúc thẩm không bổ sung khắc phục được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A xét xử lại theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Nguyên đơn đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Ông Trần Văn B ủy quyền cho bà Đào Thị C tham gia tố tụng. Việc ủy quyền thực hiện đúng với Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị F đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà F. Ông Đặng Văn E sau khi xử sơ thẩm thì đã chết nên cần phải xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông E theo khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi được tòa sơ thẩm xác định tranh chấp nợ hụi là đúng với tính chất của vụ án và thuộc phạm vi, thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung tranh chấp: Ông B do bà Nhỏ đại diện cho rằng ông B có tham gia hai dây hụi do ông E, bà F là chủ thảo, cụ thể dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 05/4/2015, khui hàng tháng, có 22 phần, ông B tham gia 01 phần, ông đã đóng được 20 kỳ, ông được hốt hụi 20.000.000 đồng, nhưng bà F giao ông nhiều lần 16.600.000 đồng, còn nợ lại 3.400.000 đồng; dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 20/01/2013, 03 tháng khui một lần có 27 phần, ông đã đóng được 13 kỳ với số tiền 23.400.000 đồng thì bà F bể hụi. Ông E bà F còn nợ ông B 26.800.000 đồng tiền nợ hụi nên ông B yêu cầu ông E và bà F liên đới trả số tiền này.

Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B nên ông B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của ông B.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi xử sơ thẩm, Tòa sơ thẩm tiến hành tống đạt bản án cho bị đơn bà Lê Thị F và ông Đặng Văn E. Tại biên bản tống đạt ngày 25/8/2020 thể hiện Đặng Văn E đã chết (bút lục 52). Cùng ngày 25/8/2020 thì ông Trần Văn B nộp đơn kháng cáo và đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà F trả tiền nợ hụi (bút lục 53-54). Tại biên bản tống đạt thông báo kháng cáo cho ông Đặng Văn E thể hiện không tống đạt được lý do ông E đã chết (bút lục 59). Mặc dù nguyên đơn có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện bị đơn Đặng Văn E liên đới trả tiền nợ hụi, nhưng việc thay đổi yêu cầu khởi kiện phát sinh sau khi có bản án sơ thẩm nên theo điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự quy định phải hỏi ý kiến của bị đơn là ông E. Nếu bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì chấp nhận Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với ông E. Do ông E đã chết nên quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông E phải được người kế thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ra thông báo số 06/TB-TA về việc bổ sung tài liệu, chứng cứ, theo đó thông báo cho nguyên đơn ông B và bị đơn bà F (vợ ông E) cung cấp giấy chứng tử của ông E và hàng thừa kế ông E để đưa người thừa kế vào tham gia tố tụng với tư cách kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn E. Nhưng cho đến nay chỉ có phía nguyên đơn cung cấp sơ yếu lý lịch của ông E do bà Đào Thị C là người đại diện ủy quyền của ông B khai gồm cha Đặng Văn Có, mẹ Nguyễn Thị Năm, vợ Lê Thị F, con Đặng Thị Diễm D, văn bản có Ủy ban nhân dân xã AB ký tên đóng dấu, ngoài ra không xác nhận những người kể trên có phải là thân nhân thuộc hàng thừa kế của ông Đặng Văn E hay không. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp giấy chứng tử của ông E và tài liệu chứng cứ thể hiện hàng thừa kế của ông E gồm những ai mới có đủ căn cứ giải quyết vụ án đúng luật định.

Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của các đương sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật, cần phải xác minh làm rõ chính xác đầy đủ những ai là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn E và xem ý kiến của họ về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông B như thế nào có chấp nhận hay không. Đây là tình tiết mới phát sinh không thể bỏ qua mà cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần phải hủy án chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Do hủy án chuyển hồ sơ tòa sơ thẩm giải quyết lại nên chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của ông B.

Về án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại khi giải quyết lại vụ án.

Về ý kiến nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở, phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử đã nêu nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 3 Điều 308, khoản 3 Điều 310, Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 210/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Hoàn lại ông B 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003138 ngày 27/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hoàng Khải